

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----□□□-----

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP 19

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 06 năm 2025



A	TÀI SẢN	116.927.194.782
I	Tài sản ngắn hạn	93.474.543.939
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.169.861.361
-	Tiền	16.169.861.361
-	Các khoản tương đương tiền	
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.200.000.000
-	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.200.000.000
3	Các khoản nợ phải thu	24.439.621.163
-	Phải thu của khách hàng	54.110.517.062
-	Trả trước cho người bán	684.300.000
-	Phải thu khác	1.765.096.697
-	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-32.120.292.596
4	Hàng tồn kho	43.384.977.477
4.1	Hàng tồn kho	43.753.146.181
-	Nguyên liệu chính	15.560.915.034
-	Vật liệu phụ	5.347.765.325
-	Công cụ dụng cụ	15.156.920
-	Chi phí sản xuất dở dang	16.338.018.773
-	Thành phẩm	6.416.811.248
-	Hàng hóa	74.478.882
4.2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-368.168.704
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.280.083.938
-	Chi phí trả trước ngắn hạn	196.166.178
-	Thuế GTGT được khấu trừ	1.063.985.132
-	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19.932.628
-	Tài sản ngắn hạn khác	0
II	Tài sản dài hạn	23.452.650.843
1	Tài sản cố định	15.860.871.694
1.1	Tài sản cố định hữu hình	15.841.089.521
-	Nguyên giá	84.333.571.733
-	Hao mòn	-68.492.482.212
1.2	Tài sản cố định vô hình	19.782.173
-	Nguyên giá	359.675.742
-	Hao mòn	-339.893.569
2	Tài sản dở dang dài hạn	46.296.296
3	Đầu tư tài chính dài hạn	
4	Tài sản dài hạn khác	7.545.482.853
-	Chi phí trả trước dài hạn	7.545.482.853
-	Tài sản dài hạn khác	0

B	NGUỒN VỐN	116.927.194.782
I	Nợ phải trả	75.664.732.047
1	Nợ ngắn hạn	75.467.989.047
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	29.484.731.562
-	Phải trả cho người bán	32.954.038.118
-	Người mua trả tiền trước	2.688.792.105
-	Phải trả thuế	416.666.877
-	Phải trả người lao động	9.352.769.064
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	
-	Phải trả khác	142.673.819
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	428.317.502
2	Nợ dài hạn	196.743.000
	Trong đó: - Vay ngân hàng	
	- Phải trả dài hạn khác	196.743.000
II	Vốn chủ sở hữu	41.262.462.735
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	12.557.975.164
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.704.487.571
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	2.279.937.345
	- LNST chưa phân phối kỳ này	5.424.550.226



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

CHỈ TIÊU	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.552.330.166
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	
3. Doanh thu thuần về bán hàng cung cấp dịch vụ	169.552.330.166
4. Giá vốn hàng bán	130.842.738.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.709.591.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.701.765.407
7. Chi phí tài chính	3.485.869.366
- Trong đó lãi vay	1.522.053.919
8. Chi phí bán hàng	9.312.526.185
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.430.338.322
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-7.817.376.966
11. Thu nhập khác	10.955.830.910
12. Chi phí khác	8.591.922
13. Lợi nhuận khác	10.947.238.988
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.129.862.022
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp (hiện hành 20%)	1.950.098.991
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.179.763.031

.002
CÔNG
CỔ P
M N
I
NHON

PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2024

I. CƠ CẤU VỐN	
Tổng vốn điều lệ công ty	21.000.000.000 đ
1. Tỷ lệ vốn trên tài sản ngắn hạn	22,47 %
21.000.000.000 / 93.474.543.939	
2. Tỷ lệ vốn trên tài sản dài hạn	89,54 %
21.000.000.000 / 23.452.650.843	
3. Tỷ lệ vốn trên tổng tài sản	17,96 %
21.000.000.000 / 116.927.194.782	
II. KẾT QUẢ KINH DOANH	
Lợi nhuận trước thuế	7.890.257.432 đ
Lợi nhuận sau thuế	5.465.777.406 đ
1. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	3,70 %
7.890.257.432 / 213.029.276.522	
2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	2,57 %
5.465.777.406 / 213.029.276.522	
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	26,03 %
5.465.777.406 / 21.000.000.000	
4. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	6,75 %
7.890.257.432 / 116.927.194.782	
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	4,67 %
5.465.777.406 / 116.927.194.782	
III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	
1. Khả năng thanh toán hiện hành	1,55 lần
116.927.194.782 / 75.664.732.047	
2. Khả năng thanh toán nhanh	1,24 lần
93.474.543.939 / 75.467.989.047	
IV. CƠ CẤU TÀI SẢN	
1. Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	79,94 %
93.474.543.939 / 116.927.194.782	
2. Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	20,06 %
23.452.650.843 / 116.927.194.782	



ĐÁNH GIÁ CHUNG

Hiện tại, Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). Nguyên nhân chủ yếu là do công nợ phải thu từ khách hàng Noble House (NBH) lên đến hơn 39,612 tỷ đồng, trong khi Công ty vẫn phải thanh toán các khoản nợ đã đến hạn cho khách hàng, dù chưa thu được tiền bán hàng – các khoản này đã nằm trong giá thành của hàng hóa đã xuất bán.

Liên quan đến vấn đề trên, Công ty đã phải sử dụng khoản tiền thu được từ thanh lý tài sản là trụ sở Văn phòng Công ty tại số 71 đường Tây Sơn, TP. Quy Nhơn để bù đắp phần ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với khách hàng NBH với số tiền hơn 31,8 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty đang có kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho các đơn vị chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của luật PCCC; đồng thời mua sắm, nâng cấp máy móc thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm và nâng cao năng suất lao động.

Xí nghiệp CBLS Bông Hồng hiện nay đang trong quá trình chuẩn bị di dời theo chủ trương của Tỉnh. Tuy nhiên, địa điểm mới tại Phước An vẫn chưa hoàn thiện về mặt pháp lý và Công ty cũng chưa có đủ vốn để triển khai dự án đầu tư. Trong trường hợp triển khai dự án, Công ty sẽ cần thêm nguồn vốn để đảm bảo ổn định sản xuất tại địa điểm mới.

Hiện nay, ngoài phần vốn chủ sở hữu, Công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính – chủ yếu là các khoản vay và nợ ngắn hạn – để hỗ trợ hoạt động SXKD. Tổng nợ phải trả đến cuối năm 2024 là 75.664.732.047 đồng, tuy nhiên hệ số khả năng thanh toán của Công ty đạt 1,55 lần, cho thấy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán trong ngắn hạn.

Trong năm 2024, Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhờ có sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị, sự điều hành linh hoạt của Ban Giám đốc. Mọi hoạt động SXKD được duy trì ổn định, hiệu quả và lợi nhuận được ghi nhận tích cực trên Báo cáo tài chính.

KẾT LUẬN

Năm 2024, khách hàng NBH đã được GIGA mua lại toàn bộ chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, GIGA không cam kết thanh toán các khoản công nợ tồn đọng của NBH. Hiện nay, khách hàng GIGA đã ký hợp đồng sản xuất đơn hàng mới với Xí nghiệp An Nhơn và Nhà máy Nhơn Hòa, đồng thời phối hợp xử lý hàng tồn kho cũ của NBH.

Công ty đã trích lập hơn 31,8 tỷ đồng dự phòng cho khoản nợ khó đòi của NBH, góp phần giảm áp lực trong việc đánh giá tài chính từ phía ngân hàng. Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/9/2024 đáp ứng điều kiện hỗ trợ vay vốn từ ngân hàng để đảm bảo hoạt động SXKD an toàn trong năm 2024 và các năm tiếp theo. Tính đến cuối năm tài chính 2024, Công ty đã trích lập hơn 80% khoản dự phòng nợ khó đòi của NBH, và sẽ tiếp tục trích lập phần còn lại khi có Quyết định chính thức của Tòa án đối với khách hàng này.

Bên cạnh đó, giá bán đơn hàng trong năm 2024 có xu hướng giảm, gây ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động SXKD. Tuy vậy, với sự chỉ đạo chặt chẽ của Hội đồng quản trị, điều hành hiệu quả của Ban Giám đốc cùng với tinh thần nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, các chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty đã vượt kế hoạch đề ra. Hiện tại, Công ty vẫn đảm bảo ổn định tài chính, giữ an toàn vốn chủ sở hữu, đảm bảo thu nhập cho người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán của Công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Văn Công Hòa

